TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TAM BÌNH** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2023/HS-ST
Ngày 05 – 6 – 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM BÌNH, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Bé Hai

2. Ông Phan Châu Ngọc

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Dương Kim Huyền – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa:*** Ông Dương Hoàng Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 24/2023/TLST-HS ngày 24 tháng 3 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2023/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 5 năm 2023 đối với bị cáo:

Trần Văn Q, sinh năm 1981 tại tỉnh Vĩnh Long; nơi cư trú: ấp Đ, xã N, huyện T, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 03/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn B và bà Phan Thị Đ; vợ Đỗ Thị Kim P và 02 người con (lớn sinh năm 2008, nhỏ sinh năm 2017).

Tiền án: có 01 tiền án. Ngày 21/01/2019 bị Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xử phạt 04 năm tù về tội Cướp tài sản, bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 27/5/2021.

Tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 22/4/2013 bị Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai xử phạt 02 năm tù về tội Cố ý gây thương tích.

Bị cáo tại ngoại và có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa cho bị cáo Trần Văn Q*: Ông Lê Văn N, trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh V; địa chỉ: A N, Phường H, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

- *Bị hại*: Ông Nguyễn Văn N1, sinh năm 1968; nơi cư trú: ấp Đ, xã N, huyện T, tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án*: Bà Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1987; nơi cư trú: Ấp A, xã M, huyện T, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt).

- *Người làm chứng*: Ông Trần Văn P1, sinh năm 1974; nơi cư trú: ấp Đ, xã N, huyện T, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ ngày 25/11/2022, bị cáo Trần Văn Q ngụ ấp Đ, xã N, huyện T, tỉnh Vĩnh Long đến nhà ông Nguyễn Văn N1 cùng ngụ ấp Đ, xã N để dự đám giỗ. Quí uống rượu cùng với gia đình ông N1 và những người hàng xóm của ông N1. Trong lúc uống rượu, ông N1 lấy điện thoại di động hiệu OPPO F11 kết nối với thùng loa để hát karaoke đến khoảng 21 giờ 15 phút cùng ngày thì nghỉ nên những người trong bàn uống rượu ra về chỉ còn lại 01 mình Trần Văn Q ngồi tại bàn. Lúc này, ông N1 vào ngủ trước còn điện thoại thì ông N1 vẫn để trên bàn gần vị trí của Q ngồi. Quí nảy sinh ý định lấy trộm điện thoại của ông N1. Quí quan sát thấy không có người để ý nên lén lút lấy trộm điện thoại của ông N1 rồi đi về nhà ngủ. Đến sáng ngày 26/11/2022, Q mang điện thoại lấy trộm được của ông N1 đến nhà bà Nguyễn Ngọc T là bạn của Q. Quí bán điện thoại cho bà T với giá 500.000 đồng. Ngày 28/11/2022, ông N1 phát hiện điện thoại bị mất trộm nên trình báo Công an xã N

Ngày 29/11/2022, lực lượng Công an mời Quí làm việc thì Q đã thừa nhận hành vi lấy trộm điện thoại của ông N1. Quí điện thoại cho anh ruột tên Trần Văn P1 đến gặp chị T lấy lại điện thoại mà Q lấy trộm của ông N1 và giao nộp cho Cơ quan Công an.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 48/KL.ĐGTS ngày 19/12/2022 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện T kết luận: 01 điện thoại di động hiệu OPPO F11 đã qua sử dụng có giá bình quân thị trường là 2.500.000 đồng.

Ngày 13/01/2023 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T ra quyết định khởi tố vụ án hình sự, quyết định khởi tố bị can và ra Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú đối với Trần Văn Q, về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Việc thu giữ tài liệu, đồ vật, xử lý vật chứng:

Trong quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại 01 điện thoại di động hiệu OPPO F11 cho ông Nguyễn Văn N1 nhận xong.

Phần dân sự:

- Ông Nguyễn Văn N1 đã nhận lại điện thoại di động bị mất trộm nên ông N1 không có yêu cầu bị cáo Trần Văn Q bồi thường gì thêm.

- Bà Nguyễn Ngọc T yêu cầu bị cáo Trần Văn Q trả lại số tiền 500.000 đồng là tiền mà bà T mua điện thoại của bị cáo Q.

Tại Cáo trạng số: 27/CT-VKSTB ngày 22/3/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình đã truy tố bị cáo Trần Văn Q về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo Trần Văn Q thừa nhận cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình truy tố bị cáo là đúng hành vi, không oan.

Đối với bà Nguyễn Ngọc T không biết điện thoại di động mà bị cáo Q bán là do phạm tội mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T không đề cặp xử lý là có cơ sở. Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình chờ xét xử bị cáo đã tự nguyện trả cho bà T số tiền 500.000 đồng và bà T vắng mặt tại phiên tòa nhưng có ý kiến không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm.

Kiểm sát viên thực hành quyền công tố vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Trần Văn Q về tội "Trộm cắp tài sản". Sau khi phân tích nguyên nhân, tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự áp dụng cho bị cáo, Kiểm sát viên đề nghị:

Về trách nhiệm hình sự: Tuyên bố bị cáo Trần Văn Q phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 38; điểm b, h, s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt bị cáo Trần Văn Q mức án từ 01 (Một) năm đến 01 (Một) năm 06 (S) tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản xong, bà T đã nhận xong tiền bồi thường, không có yêu cầu bồi thường gì thêm nên không xem xét giải quyết.

- Ông Lê Văn N bào chữa cho bị cáo Trần Văn Q trình bày quan điểm bảo vệ: Thống nhất tội danh và điều luật Viện kiểm sát truy tố. Tuy nhiên cần xem xét các tình tiết sau: Bị cáo nhất thời phạm tội, không có ý định trộm cắp tài sản của bị hại từ trước; có 03 tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại các điểm b, h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, tài sản đã được thu hồi trả lại cho bị hại, bồi thường xong cho bà T số tiền 500.000 đồng, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải,

gây thiệt hại không lớn; về nhân thân: bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, thuộc hộ cận nghèo, là lao động chính trong gia đình, trình độ học vấn thấp nên nhận thức còn hạn chế, cam kết không tái phạm. Về trách nhiệm dân sự đã trả lại tài sản cho bị hại và bồi thường xong cho bà T số tiền 500.000 đồng. Do đó, đề nghị áp dụng các điểm b, h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo 06 (Sáu) tháng tù cũng đủ răn đe, giáo dục bị cáo và cũng thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

Lời nói sau cùng của bị cáo: không ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của người làm chứng, biên bản hỏi cung bị can cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa thể hiện: Khoảng 21 giờ 15 phút ngày 25/11/2022, tại ấp Đ, xã N, huyện T, tỉnh Vĩnh Long, Trần Văn Q đã có hành vi lén lút lấy trộm 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F11 có giá trị là 2.500.000 đồng của ông Nguyễn Văn N1 nhằm mục đích bán lấy tiền tiêu xài cá nhân.

Hành vi của bị cáo Trần Văn Q đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự như truy tố của Viện kiểm sát là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật và có căn cứ.

[2.2] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Bản thân bị cáo có sức khỏe lại không chịu chí thú làm ăn. Bị cáo với thái độ thích thụ hưởng, lười lao động để có tiền phục vụ tiêu xài cá nhân, bị cáo đã thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác. Bị cáo có nhân thân xấu, đã chấp hành 02 Bản án với hình phạt tù, trong đó có 01 Bản án về hành vi chiếm đoạt tài sản nhưng không sửa đổi. Hành vi của bị cáo gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự an Toàn xã hội ở địa phương. Vì vậy, cần xử lý bị

cáo một mức án nghiêm khắc tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người công dân tốt, có ích cho xã hội và ngăn chặn những trường hợp tương tự có thể xảy ra.

[2.3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

[2.3.1] Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo phạm tội khi chưa được xóa án tích mà lại tái phạm, đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

[2.3.2] Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục xong hậu quả đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[2.4] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại ông N1 đã nhận lại tài sản xong, bà T đã nhận xong tiền bồi thường, không có yêu cầu bồi thường gì thêm nên không xem xét giải quyết.

[2.5] Xét lời bào chữa của Trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho bị cáo là có căn cứ chấp nhận một phần.

[3] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Q thuộc đối tượng cận nghèo nên được miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; Điều 38; điểm b, h, s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự;

1.1 Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Trần Văn Q phạm tội "Trộm cắp tài sản".

1.2 Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Trần Văn Q 01 (Một) năm tù.

Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại ông N1 đã nhận lại tài sản xong, bà T đã nhận xong tiền bồi thường, không có yêu cầu bồi thường gì thêm nên không xem xét giải quyết.

3. Án phí sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Trần Văn Q.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Long;
- Phòng hồ sơ – Công an tỉnh Vĩnh Long
- VKSND huyện Tam Bình;
- Chi cục THADS huyện Tam Bình;
- CQĐT Công an huyện Tam Bình;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- UBND xã Ngãi Tứ, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Thanh Thảo